

Bản án số: 70/2026/HS-ST

Ngày: 27 - 7 - 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sao Hôm và ông Phạm Văn Toán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Minh Ngọc - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam P - Trại tạm giam số 2 Công an thành phố H, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2026/TLST-HS ngày 19/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXXST-HS ngày 13/7/2026, đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh ngày 04/12/1987, tại xã P, thành phố Hải Phòng; Căn cước công dân số: 030087017130; Nơi cư trú: thôn L, xã P, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C, sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (đã ly hôn), có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2026 đến ngày 10/01/2026 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P - Trại tạm giam số 02 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Võ Thị Tuyết N, sinh năm 2002. Địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Ngọc D1, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

*** Điểm cầu trung tâm gồm:** Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*** Điểm cầu thành phần:** Bị cáo Trần Văn D; Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa: ông Trần Thăng L1 - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng; ông Nguyễn Duy Đ - Kiểm sát viên VKSND khu vực 10 - Hải Phòng và ông Phạm Văn C1 - Cán bộ Phân trại tạm giam P - Trại tạm giam số 02 Công an thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 26/12/2025, Trần Văn D đang ở nhà tại thôn L, xã P, thành phố Hải Phòng thì có Võ Thị Tuyết N, sinh năm 2002, trú tại: thôn C, xã T, tỉnh Ninh Bình đến nhà D hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng, D đồng ý. Ngay sau đó N sử dụng ứng dụng TNEX liên kết tài khoản số 88898018202741 của N mở tại Ngân hàng M chuyển số tiền 300.000 đồng đến tài khoản số 00003443571 mở tại Ngân hàng T của D. Sau khi nhận được tiền của N, D đưa cho N 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (01x01)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (D khai là ma túy đá), N cầm túi ma túy có đặc điểm như trên đi ra khu vực bãi đất trống ở khu T - xã P - thành phố Hải Phòng sử dụng một mình hết số ma túy trên. Đến ngày 04/01/2026 khi biết N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H triệu tập làm việc liên quan đến việc sử dụng ma túy, D đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú và giao nộp 01 chiếc điện thoại Nokia màu xanh gắn sim số 0936941619 và 01 chiếc điện thoại Oppo A9 2020 màu trắng không có sim.

Cùng ngày 04/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của D không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Trần Văn D và Võ Thị Tuyết N dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Trần Văn D tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại Nokia màu xanh gắn sim số 0936941619 và 01 chiếc điện thoại OPPO A9 2020 màu trắng, màn hình bị dạn vỡ, không có sim, hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Hải Phòng.

Đối với số tiền 9.768 đồng trong tài khoản số 00003443571 của Trần Văn D mở tại ngân hàng TMCP T1, ngày 20/5/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an thành phố H đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản của D.

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKSKV10 ngày 19/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo D từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 04/01/2026. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Truy thu số tiền 300.000đ do phạm tội mà có của bị cáo D; trả lại bị cáo D 01 chiếc điện thoại Nokia màu xanh gắn sim số 0936941619 và 01 chiếc điện thoại OPPO A9 2020 màu trắng, màn hình bị dạn vỡ, không có sim; Tiếp tục quản lý số tiền 9.768 đồng trong tài khoản số 00003443571 của bị cáo D để đảm bảo thi hành án; Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 00003443571 của Trần Văn D mở tại ngân hàng TMCP T1. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo Trần Văn D phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn

cứ kết luận: Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 26/12/2025, tại nhà ở của Trần Văn D ở thôn L, xã P, thành phố Hải Phòng, Trần Văn D đã bán cho Võ Thị Tuyết N 01 túi ma túy loại Methamphetamine với giá 300.000 đồng, N đã sử dụng hết số ma túy trên. Đến ngày 04/01/2026, Trần Văn D đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú.

[3]. Hành vi của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy, hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi biết N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H triệu tập làm việc liên quan đến việc sử dụng ma túy, D đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú nên D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo phạm tội với tính chất nghiêm trọng nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn tương ứng với tính chất, hành vi phạm tội, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ... Tuy nhiên, xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo D 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh gắn sim số 0936941619 và 01 chiếc điện thoại Oppo A9 2020 màu trắng không có sim. Bị cáo D xác định không sử dụng các điện thoại trên để liên lạc xin ma túy của D1 và cũng gọi điện cho N để bán ma túy, không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị được xin lại. Xét các tài sản trên không phải là vật chứng của vụ án, cần trả lại cho bị cáo D theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo D đã nhận của Võ Thị Tuyết N, D đã chi tiêu cá nhân hết, chưa thu hồi được. Đây là khoản tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo D số tiền trên để sung vào ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản đối với tài khoản số 00003443571 của Trần Văn D mở tại ngân hàng TMCP T1, số dư tài khoản tại thời điểm phong tỏa là 9.768 đồng. Xét số tiền trong tài khoản còn ít, bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung, việc phong tỏa tài khoản của bị cáo không còn cần thiết nên hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tài khoản số 00003443571 của Trần Văn D theo quy định tại Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn D bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10]. Về các vấn đề khác:

Về nguồn gốc ma túy, theo D khai D gọi điện xin ma túy của Phạm Ngọc D1, sinh năm 1991, trú tại: thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/12/2025 tại chân cầu Đ, xã P, thành phố Hải Phòng, song D1 không thừa nhận. D1 khai không bán cũng không có ma túy cho D. Ngày 25/12/2025, D1 là người gọi điện cho D và rủ D đi uống bia và hát karaoke, không có việc D gọi cho D1 xin ma túy. Ngoài lời khai của D không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh D1 cho D ma túy, do vậy không có căn cứ để xử lý đối với D1.

Đối với việc D khai nhận tội ngày 25/12/2025, D có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà D ở thôn L, xã P, thành phố Hải Phòng và việc Võ Thị Tuyết N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy như nêu trên, song hành vi của D và N không thuộc trường hợp bị xử lý về hình sự theo quy định tại Điều 256a của Bộ luật Hình sự. Ngày 29/5/2026, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với D và N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 130,

khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Văn D **03** (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 04/01/2026.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo D 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh gắn sim số 0936941619 và 01 chiếc điện thoại Oppo A9 2020 màu trắng không có sim. *(Các tài sản trên hiện đang quản lý tại kho vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H).*

- Tịch thu của bị cáo D số tiền 300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước (chưa thu).

5. Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số A866/LPT-CSMT ngày 20/5/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với tài khoản số 00003443571 mở tại Ngân hàng TMCP T1 của Trần Văn D, sinh ngày 04/12/1987, CCCD số: 030087017130, nơi cư trú: thôn L, xã P, thành phố Hải Phòng.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 10 - Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT- Công an Tp. Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ - Công an Tp. Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hải Phòng;
- Bị cáo; người liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu Hồ sơ vụ án; Hồ sơ THAHS; VP.

Bùi Ngọc Khuyến